

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NN

Tuy Phước, ngày tháng 10 năm 2021

V/v cung cấp thông tin về số vụ, năng suất và chi phí của từng vụ sản xuất trong năm để tính toán đơn giá hỗ trợ hoa màu cho người dân đối với phần diện tích đất tạm mượn sử dụng để thi công dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến – Diêm Vân

Kính gửi: Ban Quản lý Dự án Giao thông tỉnh Bình Định.

UBND huyện Tuy Phước nhận được Văn bản số 2255/QBQLGT-KHTĐ ngày 07/10/2021 của Ban Quản lý Dự án giao thông tỉnh về việc cung cấp số liệu về số vụ, năng suất và chi phí từng vụ sản xuất trong năm để tính toán đơn giá hỗ trợ hoa màu cho người dân đối với phần diện tích đất tạm mượn sử dụng để thi công Dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến - Diêm Vân;

UBND huyện Tuy Phước cung cấp một số thông tin về tình hình sản xuất cây trồng ở 04 xã khu Đông: Phước Thắng, Phước Hòa, Phước Sơn, Phước Thuận thuộc huyện Tuy Phước có phần diện tích đất tạm mượn sử dụng để thi công dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến - Diêm Vân như sau:

1. Tình hình sản xuất lúa:

- Số vụ sản xuất trong năm: Sản xuất 02 vụ lúa/năm (vụ Đông Xuân, vụ Thu).
- Năng suất bình quân từng xã như sau:

Vụ Đông Xuân 2020 - 2021: Phước Thắng 78,5 tạ/ha, Phước Hòa 78 tạ/ha, Phước Sơn 80 tạ/ha, Phước Thuận 76 tạ/ha.

Vụ Thu 2021: Phước Thắng 66 tạ/ha, Phước Hòa 66 tạ/ha, Phước Sơn 70 tạ/ha, Phước Thuận 65 tạ/ha.

- Chi phí sản xuất lúa: Chi phí bình quân 19.905.000 đồng/ha/vụ. (Mười chín triệu, chín trăm lẻ năm nghìn đồng).

(có phụ lục kèm theo).

2. Số vụ sản xuất trong năm đối với cây trồng cạn (rau các loại): bình quân 3 vụ/năm.

UBND huyện Tuy Phước cung cấp thông tin gửi Ban Quản lý Dự án giao thông tỉnh để biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng Nông nghiệp & PTNT;
- Phòng Tài chính – KH huyện;
- Phòng Tài nguyên – MT huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Xuân

Phụ lục
CHI PHÍ SẢN XUẤT LÚA BÌNH QUÂN 1 HA/1 VỤ/1 NĂM
ĐỐI VỚI ĐẤT TRỒNG LÚA

(Kèm theo Văn bản số /UBND-NN ngày /10/2021 của UBND huyện Tuy Phước)

STT	Khoản mục	ĐVT	Lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Chi phí vật chất 1 ha	đồng			11.405.000
1	Giống	kg	120	13.000	1.560.000
2	Phân bón chuyên dùng	kg	475	15.000	7.125.000
3	Chi phí thuốc bảo vệ thực vật	đồng			1.720.000
4	Chi phí cho dịch vụ thủy lợi	đồng			1.000.000
II	Chi phí lao động 1ha	công			10.500.000
1	Chi phí làm đất + gieo sạ	công	15	200.000	3.000.000
2	Làm cỏ	công	8	200.000	1.600.000
3	Bón phân	công	6	150.000	900.000
4	Phun thuốc BVTV	công	10	200.000	2.000.000
5	Chi phí thu hoạch	công	12	200.000	3.000.000
III	Giá trị sản phẩm phụ thu hồi	đồng			2.000.000
IV	Tổng chi phí sản xuất 1 ha (I+II-III)	đồng			19.905.000

